

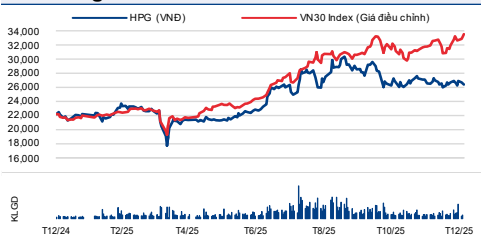
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 39.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/12/2025)	26,400
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-30,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	202,632
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,705
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,675
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,761
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,300
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.0%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	165,688	224,889
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,543	28,865	39,591
LNTT (tỷ đồng)	13,693	19,190	24,962
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,420	15,772	21,819
FCF (tỷ đồng)	(28,887)	(5,230)	1,062
EPS ĐC (đồng)	1,488	2,055	2,843
DPS (đồng)	0	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,879	17,057	18,910
T.trưởng EBITDA (%)	31.1	34.0	37.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	15.1	38.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	17.4	17.6
Tỷ suất LNTTT (%)	9.86	11.6	11.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	10.0	10.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	46.2	33.4
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	70.9	62.8
ROAE (%)	11.1	13.5	16.6
ROACE (%)	11.0	13.3	16.5
EV/doanh thu (lần)	1.63	1.66	1.22
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.5	9.52	6.94
P/E ĐC (lần)	17.7	12.8	9.29
P/B (lần)	1.48	1.55	1.40
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.79	3.79

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 12/2025: sản lượng thép xây dựng tăng 52% so với cùng kỳ và 55% so với tháng trước

- HPG công bố sản lượng tiêu thụ thép xây dựng theo tháng trong tháng 12 đạt mức cao kỷ lục mới là 585.000 tấn, tăng 52% so với cùng kỳ, 55% so với tháng trước. Kết quả này chủ yếu được thúc đẩy nhờ đầu tư công mạnh mẽ với tiến độ xây dựng được đẩy nhanh vào giai đoạn cuối năm trong khi nhu cầu từ các dự án nhà ở vẫn duy trì tích cực.
- Theo đó, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong Q4/2025 và cả năm 2025 đạt lần lượt 1,32 triệu tấn (tăng 14% so với cùng kỳ và 24% so với quý trước) và 4,85 triệu tấn (tăng trưởng 8,3%). HSC giữ nguyên dự báo sản lượng tiêu thụ tháng 12/2025 và Q4/2025 lần lượt ở mức 1,23 triệu tấn (tăng 77% so với cùng kỳ và 25% so với tháng trước) và 3,33 triệu tấn (tăng 43% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước).
- Nếu HPG đạt được mức này, lợi nhuận thuần Q4/2025 có thể đạt 5 nghìn tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ và 26% so với quý trước. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu 36.800đ.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tháng 12/2025

Vào ngày 5/1, HPG đã công bố sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tháng 12/2025 đạt mức cao nhất từ trước đến nay, được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ từ các dự án đầu tư công cũng như thị trường BĐS nhà ở vẫn ghi nhận nhu cầu khả quan. Nỗ lực mở rộng hệ thống phân phối tại khu vực phía Nam cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng vững chắc trong năm 2025. Chi tiết như sau:

Mức cao kỷ lục mới đối với thép xây dựng trong tháng 12/2025

HPG bán được 585.000 tấn thép xây dựng trong tháng 12/2025, tăng 52% so với cùng kỳ và 55% so với tháng trước, nhờ một số yếu tố:

- Tiến độ thi công của các dự án đầu tư công được đẩy nhanh vào giai đoạn cuối năm, cùng với các dự án BĐS nhà ở tiếp tục ghi nhận nhu cầu khả quan.
- Bên cạnh đó, chiến lược củng cố hệ thống phân phối và mở rộng bán hàng tại khu vực phía Nam cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu. Theo đó, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tại khu vực phía Nam trong tháng 12/2025 đã tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt trên 100.000 tấn, chiếm khoảng 17% tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của HPG trong tháng 12/2025. Đây là mức sản lượng tiêu thụ theo tháng cao nhất từ trước đến nay của HPG tại khu vực phía Nam.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ T12 và Q4/2025, HPG

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tháng 12 cao kỷ lục

Tấn	T12-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	Q4/25	So với cùng kỳ	Tấn
Sản phẩm thượng nguồn (*)	1,105,000	80.2%	25.6%	3,015,249	49.5%	22.7%
Thép xây dựng	585,000	52.3%	55.0%	1,321,890	14.0%	24.4%
Phôi thép/ tấm slab (*)	20,000	9.1%	-47.9%	166,803	-17.1%	28.9%
HRC (*)	530,000	151.6%	14.1%	1,556,556	137.1%	23.0%
Ống thép (*)	70,000	15.9%	0.7%	198,901	-2.8%	-11.7%
Tôn mạ (*)	25,000	14.9%	-32.4%	88,203	-13.2%	-26.6%
Tổng sản lượng tiêu thụ (*)	1,230,000	76.9%	24.7%	3,332,353	43.4%	18.9%

Ghi chú: (*) HSC ước tính
Nguồn: HPG, VSA, HSC

Ngoài ra, chúng tôi cho rằng điều kiện thời tiết kém thuận lợi trong tháng 11/2025 cũng đã khiến một phần nhu cầu dịch chuyển sang tháng 12/2025. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh giá trong tuần cuối cùng của năm (tăng 150đ/kg đối với cả thép cuộn lên 13.710đ/kg và thép thanh lên 13.850đ/kg) đã góp phần củng cố tâm lý thị trường, khuyến khích người mua chốt đơn hàng.

Nhờ đó, HPG đã bán được tổng cộng 1,32 triệu tấn thép xây dựng trong Q4/2025, tăng 14% so với cùng kỳ và 24% so với quý trước. Tính chung cả năm 2025, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 4,85 triệu tấn, tăng trưởng 8,3%. HPG nhờ đó duy trì vị thế dẫn đầu thị trường với thị phần trên 36% trong năm 2025.

Kỳ vọng mức cao kỷ lục mới đối với sản lượng tiêu thụ thép của HPG trong tháng 12/2025

Khi sản lượng tiêu thụ thép xây dựng ghi nhận mức cao kỷ lục mới, HSC cũng kỳ vọng HPG sẽ ghi nhận sản lượng tiêu thụ thép theo tháng (tổng tất cả các sản phẩm thép) đạt mức cao nhất từ trước đến nay (Bảng 1).

Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ thép trong tháng 12/2025 đạt 1,23 triệu tấn, tăng 77% so với cùng kỳ và 25% so với tháng trước. Điều này đồng nghĩa với sản lượng tiêu thụ thép trong Q4/2025 đạt 3,33 triệu tấn, tăng 43% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước, đúng với dự báo của HSC ở mức 3,33 triệu tấn. Xét từng phân khúc:

- [Sản lượng tiêu thụ HRC dự kiến đạt khoảng 530.000 tấn, tăng 137% so với cùng kỳ và 24% so với tháng trước, khi hoạt động vận chuyển trở lại bình thường vào tháng 12/2025.](#) Nếu HPG đạt được mức này, sản lượng tiêu thụ HRC trong Q4/2025 sẽ đạt khoảng 1,56 triệu tấn, tăng 137% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước. Lưu ý, trong ngày 5/1, HPG đã công bố mức giá mới cho sản phẩm HRC (giao hàng vào tháng 3/2026) ở mức 13.420đ/kg, tăng 130đ/kg so với tháng trước. Mức giá cao hơn này cũng được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tâm lý người mua và sản lượng tiêu thụ trong tháng 3/2026.
- Chúng tôi cũng ước tính sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép trong tháng 12/2025 đạt lần lượt khoảng 25.000 tấn (tăng 15% so với cùng kỳ; giảm 32% so với tháng trước) và 70.000 tấn (tăng 16% so với cùng kỳ và 1% so với tháng trước).

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

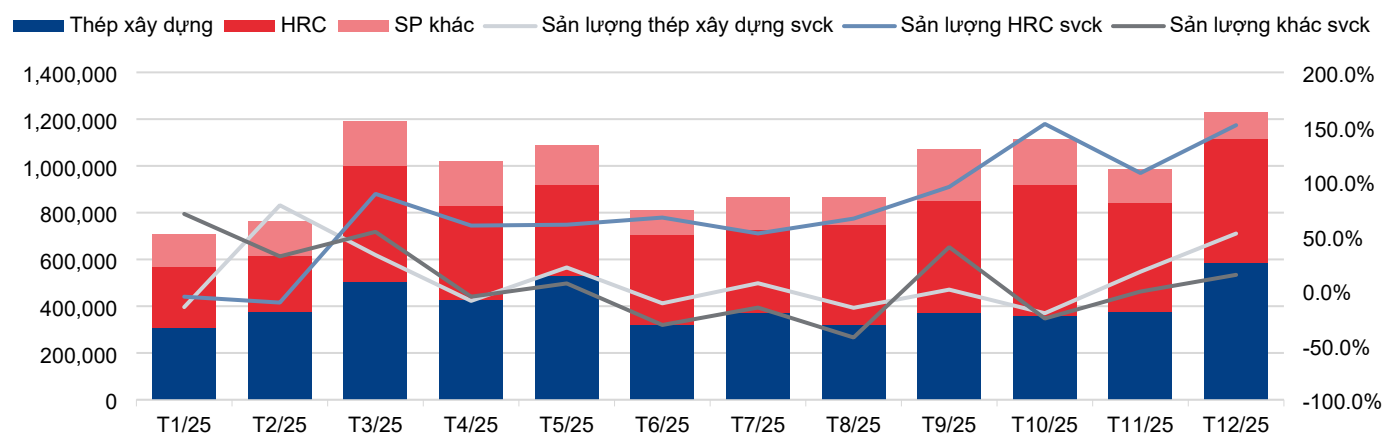
Trong trường hợp HPG đạt được sản lượng tiêu thụ trong Q4/2025 ở mức khoảng 3,33 triệu tấn, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần Q4/2025 đạt 5 nghìn tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ và 26% so với quý trước, đồng thời hàm ý lợi nhuận thuần cả năm 2025 đạt 16,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 38%.

Cho năm 2026, chúng tôi cũng dự báo lợi nhuận thuần tăng trưởng 38% đạt 23 nghìn tỷ đồng, nhờ công suất hoạt động cao hơn của Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất Giai đoạn 2 (DQSC P2) và đóng góp năm đầu tiên của ưu đãi thuế TNDN 0% từ DQSC P2.

HPG đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026 là 9,3 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân 3 năm ở mức 13 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 36.800đ (tiềm năng tăng giá 39%).

Biểu đồ 2: Sản lượng tiêu thụ theo tháng (tấn), HPG

Sản lượng thép tiêu thụ trong T12/2025 ghi nhận mức cao kỷ lục



Nguồn: VSA, HPG, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	165,688	224,889	241,206
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	26,002	34,909	40,666
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(4,755)	(6,454)	(6,923)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	21,247	28,455	33,743
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,172)	(3,538)	(3,197)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	116	45.0	48.2
LNTT	7,793	13,693	19,190	24,962	30,595
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(2,591)	(1,997)	(2,142)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	1.42	1.96	2.71	3.36
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,021	16,602	22,968	28,456
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,420	15,772	21,819	27,034
EBITDA ĐC	16,431	21,543	28,865	39,591	45,835
EPS (đồng)	1,175	1,879	2,163	2,992	3,707
EPS ĐC (đồng)	846	1,488	2,055	2,843	3,522
DPS (đồng)	0	0	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	6,630	5,028	4,245
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	19,883	17,991	19,296
Phải thu khách hàng	10,702	7,648	14,912	22,489	25,327
Hàng tồn kho	34,504	46,091	49,706	65,218	69,950
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,284	11,244	14,472
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	86,674	99,416	121,971	133,290
TSCĐ hữu hình	97,886	130,995	144,370	135,518	134,152
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,940	6,295	8,519	9,128
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,815	151,398	144,756	143,985
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	250,814	266,727	277,275
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	66,275	71,964	65,126
Phải trả người bán	12,387	14,047	8,284	11,244	12,060
Nợ ngắn hạn khác	2,457	2,813	3,231	4,095	4,427
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,225	80,753	91,325	85,925
Nợ dài hạn	10,399	27,080	32,237	23,026	19,189
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,440	6,612	6,943	7,291
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,550	38,848	29,969	26,479
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	119,602	121,294	112,404
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,356	130,923	145,146	164,588
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	291	289	286	283
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	131,212	145,433	164,871
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	250,814	266,727	277,275
BVPS (đ)	17,674	17,879	17,057	18,910	21,443
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	91,882	89,962	80,069

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	21,247	28,455	33,743
Khấu hao	(6,762)	(6,928)	(7,619)	(11,136)	(12,092)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,172)	(3,538)	(3,197)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(2,591)	(1,997)	(2,142)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,927)	(10,220)	(33,892)	(14,990)
Khác	(4,595)	(2,358)	(3,169)	(4,561)	(4,209)
LCT thuần từ HĐKD	8,643	6,608	15,753	3,333	28,343
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,495)	(20,983)	(2,271)	(10,712)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,166)	(937)	1,832	(1,322)
Thanh lý	42,960	32,872	730	992	861
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(29,788)	(21,190)	553	(11,173)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	0	(7,675)	(7,675)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,587	5,180	2,188	(10,278)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,815	5,180	(5,488)	(17,953)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	6,630	5,028
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	(257)	(1,602)	(783)
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.76	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	6,630	5,028	4,245
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,887)	(5,230)	1,062	17,631

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.7	15.5	16.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.4	17.6	19.0
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	10.0	10.2	11.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	13.5	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	19.3	35.7	7.26
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.1	34.0	37.2	15.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	38.1	38.3	23.9
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	15.1	38.3	23.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	75.9	38.1	38.3	23.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	46.2	33.4	27.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	13.5	16.6	18.4
ROACE (%)	8.62	11.0	13.3	16.5	18.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.70	0.87	0.89
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.45	0.74	0.12	0.84
Số ngày tồn kho	119	140	130	125	127
Số ngày phải thu	36.8	23.2	39.0	43.2	46.1
Số ngày phải trả	42.6	42.6	21.6	21.6	22.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	70.9	62.8	49.4
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	39.6	36.1	30.9
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	9.78	8.04	10.6
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.89	3.44	2.43	1.87
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.23	1.34	1.55
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.55	1.63	1.66	1.22	1.09
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.2	10.5	9.52	6.94	5.75
P/E (lần)	22.5	14.0	12.2	8.82	7.12
P/E ĐC (lần)	31.2	17.7	12.8	9.29	7.50
P/B (lần)	1.49	1.48	1.55	1.40	1.23
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	3.79	3.79	3.79

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn